

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á
Thông tin về Ngân hàng

Giấy phép Hoạt động số 12/NH-GP

ngày 9 tháng 5 năm 2003

Giấy phép Hoạt động được cấp bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và có giá trị trong 99 năm kể từ ngày cấp.

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số 4103001665

ngày 19 tháng 6 năm 2003

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103001665 ngày 10 tháng 3 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh từ lần đầu đến lần 21 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh từ lần 22 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Phương Hữu Việt
Ông Phan Văn Tới
Bà Phương Thanh Nhung

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Phó Chủ tịch
(từ ngày 20 tháng 10 năm 2015)
Thành viên
(đến ngày 20 tháng 10 năm 2015)
Phó Chủ tịch
(từ ngày 20 tháng 10 năm 2015)
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Thành viên
(đến ngày 24 tháng 4 năm 2015)

Ông Ngô Tân Dũng

Ông Lê Đắc Cù
Ông Nguyễn Xuân Luật

Ông Nguyễn Quang Vinh

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Kim Phụng
Bà Bùi Thị Thu Vân
Bà Nguyễn Thị Hoan
Ông Phương Minh Tuấn

Trưởng ban
(từ ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Trưởng ban
(đến ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Thành viên
Thành viên

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á
Thông tin về Ngân hàng (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Phương Thanh Nhung
Ông Nguyễn Văn Hảo

Ông Phạm Linh
Bà Nguyễn Thị Thu Hạnh

Ông Phạm Quang Thuần

Ông Vũ Nhật Lâm

Ông Nguyễn Anh Tuấn

Ông Trịnh Minh Thảo

Ông Trần Thái Hòa

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc Thường trực
(từ ngày 10 tháng 10 năm 2015)

Phó Tổng Giám đốc
(từ ngày 3 tháng 8 năm 2015
đến ngày 10 tháng 10 năm 2015)

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 8 tháng 3 năm 2016)

Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 24 tháng 11 năm 2015)

Phó Tổng Giám đốc
(từ ngày 7 tháng 7 năm 2015
đến ngày 14 tháng 10 năm 2015)

Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 1 tháng 9 năm 2015)

Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 29 tháng 8 năm 2015)

Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 4 tháng 5 năm 2015)

Trụ sở đăng ký

34A - 34B Hàn Thuyên, Phường Phạm Đình Hò
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á (“Ngân hàng”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng và công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 99 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Thành phố Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2016



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á (“Ngân hàng”) và công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 4 năm 2016, được trình bày từ trang 6 đến trang 99.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra ý kiến ngoại trừ nhưng lưu ý người đọc đến Thuyết minh 16(v) của báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có khoản lãi phải thu từ ba khách hàng với số tiền 408.693 triệu VND đã được NHNNVN phê duyệt lộ trình xử lý đến ngày 31 tháng 12 năm 2017. Do đó, Tập đoàn đã không thực hiện hạch toán các khoản lãi phải thu này theo chính sách kế toán được trình bày trong Thuyết minh 4(x).

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 15-01-134/2



Trương Vĩnh Phúc

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 4 năm 2016

Nguyễn Anh Hưng
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2206-2013-007-1

		Thuyết minh	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
A	TÀI SẢN			
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5	334.550.243.535	357.314.966.388
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	6	506.560.690.117	699.242.031.290
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	7	4.579.602.212.211	2.069.023.413.281
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		4.295.032.212.211	2.069.023.413.281
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác		284.570.000.000	-
IV	Chứng khoán kinh doanh	8	104.235.636.547	18.056.619.147
1	Chứng khoán kinh doanh		107.527.745.273	22.450.370.885
2	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(3.292.108.726)	(4.393.751.738)
VI	Cho vay khách hàng	9	20.039.701.178.538	15.633.183.931.713
1	Cho vay khách hàng	10	20.267.711.996.409	15.821.970.562.729
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng		(228.010.817.871)	(188.786.631.016)
VII	Hoạt động mua nợ	11	38.991.877.497	-
1	Mua nợ		38.991.877.497	-
VIII	Chứng khoán đầu tư	12	11.056.464.135.287	11.513.643.801.769
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		8.652.036.555.139	10.128.331.126.385
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		2.699.949.989.750	1.448.794.705.580
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(295.522.409.602)	(63.482.030.196)
IX	Góp vốn, đầu tư dài hạn	13	315.653.224.400	518.927.302.800
4	Đầu tư dài hạn khác		315.653.224.400	518.927.302.800
X	Tài sản cố định		278.541.673.262	228.609.564.976
1	Tài sản cố định hữu hình	14	134.527.052.394	118.656.492.574
a	Nguyên giá		283.592.467.522	248.609.540.916
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(149.065.415.128)	(129.953.048.342)
3	Tài sản cố định vô hình	15	144.014.620.868	109.953.072.402
a	Nguyên giá		223.542.356.340	182.521.406.597
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(79.527.735.472)	(72.568.334.195)
XII	Tài sản Có khác	16	4.623.877.782.701	4.552.510.790.196
1	Các khoản phải thu		1.213.189.487.747	1.633.014.484.806
2	Các khoản lãi, phí phải thu		3.005.872.361.055	2.228.764.064.842
4	Tài sản Có khác		404.815.933.899	690.732.240.548
TỔNG TÀI SẢN			41.878.178.654.095	35.590.512.421.560

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á
 34A - 34B Hàn Thuyên, Phường Phạm Đình Hỗ
 Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
 Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày
 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B02/TCTD-HN
 (Ban hành theo Thông tư số
 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

		Thuyết minh	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
	NỢ PHẢI TRẢ			
I	Các khoản nợ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	17	-	109.436.812.290
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	18	12.865.360.797.326	11.636.501.251.528
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		5.010.920.378.989	3.071.388.185.030
2	Vay các tổ chức tín dụng khác		7.854.440.418.337	8.565.113.066.498
III	Tiền gửi của khách hàng	19	24.439.799.870.488	19.779.746.323.690
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	20	26.134.500.000	12.431.250.000
VI	Phát hành giấy tờ có giá	21	8.477.026.500	-
VII	Các khoản nợ khác		618.848.427.523	416.439.564.687
1	Các khoản lãi, phí phải trả		508.888.150.992	366.874.784.197
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	22	109.960.276.531	49.564.780.490
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ			37.958.620.621.837	31.954.555.202.195
VỐN CHỦ SỞ HỮU				
VIII	Vốn chủ sở hữu	23	3.919.558.032.258	3.635.957.219.365
1	Vốn của tổ chức tín dụng		3.500.102.398.945	3.206.232.128.945
a	<i>Vốn cổ phần</i>		<i>3.499.990.470.000</i>	<i>3.098.000.000.000</i>
c	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>		<i>98.600.000</i>	<i>108.218.800.000</i>
g	<i>Vốn khác</i>		<i>13.328.945</i>	<i>13.328.945</i>
2	Các quỹ		148.445.464.182	198.721.138.462
5	Lợi nhuận chưa phân phối		271.010.169.131	231.003.951.958
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU			3.919.558.032.258	3.635.957.219.365
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			41.878.178.654.095	35.590.512.421.560

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á
 34A - 34B Hàn Thuyên, Phường Phạm Đình Hổ
 Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
 Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày
 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B02/TCTD-HN
 (Ban hành theo Thông tư số
 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Thuyết minh	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
----------------	-------------------	-------------------

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

I NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN

2	Cam kết giao dịch hối đoái <i>Trong đó:</i> ▪ Cam kết mua ngoại tệ ▪ Cam kết bán ngoại tệ	470.635.000.000	846.718.980.000
4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	39	23.095.745.509
5	Bảo lãnh khác	39	55.545.694.032
			<hr/>

Ngày 25 tháng 4 năm 2016

Người lập:



Lã Quang Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Văn Hảo
Phó Tổng Giám đốc Thường trực

		Thuyết minh	2015 VND	2014 VND Đã phân loại lại
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	24	2.871.174.154.522	1.841.994.974.536
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	24	(1.768.795.035.366)	(1.443.214.049.525)
I	Thu nhập lãi thuần	24	1.102.379.119.156	398.780.925.011
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	25	11.812.985.086	13.267.162.077
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	25	(15.834.738.833)	(10.764.374.234)
II	(Lỗ)/lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	25	(4.021.753.747)	2.502.787.843
III	Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	26	(264.140.599.708)	(89.892.067.096)
IV	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	27	5.901.023.594	68.556.991.706
V	Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	28	29.908.336.738	(36.049.390.522)
5	Thu nhập từ hoạt động khác	29	147.646.623.230	127.340.154.229
6	Chi phí hoạt động khác	29	(146.948.304.227)	(8.814.177)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	29	698.319.003	127.331.340.052
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	30	4.598.055.219	8.834.213.675
VIII	Chi phí hoạt động	31	(438.876.506.250)	(347.653.263.083)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		436.445.994.005	132.411.537.586
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	32	(321.116.648.613)	(72.073.395.769)
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế (mang sang trang sau)		115.329.345.392	60.338.141.817

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á
 34A - 34B Hàn Thuyên, Phường Phạm Đình Hỗ
 Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho
 năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B03/TCTD-HN
 (Ban hành theo Thông tư số
 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

		Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế (mang từ trang trước sang)		115.329.345.392	60.338.141.817
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành	33	(33.362.702.713)	(12.841.098.491)
8	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	33	-	-
XII	Chi phí thuế TNDN	33	(33.362.702.713)	(12.841.098.491)
XIII	Lợi nhuận sau thuế TNDN		81.966.642.679	47.497.043.326
XV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	34	250	145

Ngày 25 tháng 4 năm 2016

Người lập:



Lã Quang Trung
 Kế toán trưởng



Người duyệt:
 Nguyễn Văn Hảo
 Phó Tổng Giám đốc Thường trực

		2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	2.095.662.603.630	1.092.345.792.265
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(1.617.809.547.709)	(1.303.767.336.048)
03	(Chi phí)/thu nhập từ hoạt động dịch vụ (đã trả)/nhận được	(14.586.703.902)	5.929.867.651
04	Chênh lệch số tiền thực (chi)/thu từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng và chứng khoán)	(13.141.219.126)	31.123.101.875
05	(Chi phí khác đã trả)/thu nhập khác nhận được	(76.403.197.753)	113.380.585.008
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý	(408.942.912.332)	(323.528.748.490)
08	Tiền thuế TNDN thực nộp trong năm	(9.744.806.801)	(8.786.112.699)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động		(44.965.783.993)	(393.302.850.438)
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
09	(Tăng)/giảm các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	(284.570.000.000)	239.000.000.000
10	Giảm/(tăng) các khoản về kinh doanh chứng khoán	140.061.912.688	(5.556.272.036.410)
12	Tăng các khoản cho vay khách hàng	(4.484.733.311.177)	(1.433.528.562.704)
13	Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tồn thất các khoản	(88.683.850.352)	(15.690.226.049)
14	Giảm/(tăng) khác về tài sản hoạt động	653.822.174.942	(206.572.299.248)
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
15	(Giảm)/tăng các khoản nợ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	(109.436.812.290)	109.436.812.290
16	Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng khác	1.228.859.545.798	7.355.850.666.457
17	Tăng tiền gửi của khách hàng	4.660.053.546.798	957.671.833.979
18	Tăng phát hành giấy tờ có giá	8.477.026.500	-
19	Tăng/(giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro	13.703.250.000	(52.058.919.594)
20	Tăng/(giảm) khác về công nợ hoạt động	4.066.544.648	(26.644.129)
21	Chi từ các quỹ	(8.393.356.062)	(3.000.000)
I	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	1.688.260.887.500	1.004.504.774.154

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á
 34A - 34B Hàn Thuyên, Phường Phạm Đình Hổ
 Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Phương pháp trực tiếp - tiếp theo)

Mẫu B04/TCTD-HN
 (Ban hành theo Thông tư số
 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm
 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

		2015 VND	2014 VND
LUU CHUYEN TIEN TỪ HOAT ĐONG ĐẦU TU'			
01	Mua sắm tài sản cố định	(72.860.041.404)	(25.969.405.469)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	133.518.761.201	232.583.637
07	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	(55.275.000.000)	-
08	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	81.089.183.138	95.502.343.000
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	4.598.055.219	8.834.213.675
II	LUU CHUYEN TIEN THUAN TỪ HOAT ĐONG ĐẦU TU'	91.070.958.154	78.599.734.843
LUU CHUYEN TIEN TỪ HOAT ĐONG TAI CHINH			
01	Tăng vốn cổ phần từ phát hành cổ phiếu	231.300.200.000	-
04	Cổ tức trả cho cổ đông	(69.310.750)	(2.436.750)
III	LUU CHUYEN TIEN THUAN TỪ HOAT ĐONG TAI CHINH	231.230.889.250	(2.436.750)
IV	LUU CHUYEN TIEN THUAN TRONG NAM	2.010.562.734.904	1.083.102.072.247
V	TIEN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	3.125.580.410.959	2.042.478.338.712
VII	TIEN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (THUYẾT MINH SỐ 35)	5.136.143.145.863	3.125.580.410.959

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á
34A - 34B Hàn Thuyên, Phường Phạm Đình Hổ
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Phương pháp trực tiếp - tiếp theo)

Mẫu B04/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm
2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

	2015 VND	2014 VND
Phải thu từ việc thanh lý khoản góp vốn, đầu tư dài hạn	246.200.000.000	65.331.657.000

Ngày 25 tháng 4 năm 2016

Người lập:

Lã Quang Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Văn Hảo
Phó Tổng Giám đốc Thường trực